

Phụ lục 1

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI BIỂU THUẾ TỪ AHTN 2017 SANG AHTN 2022 THEO HIỆP ĐỊNH CPTPP

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2022 của Bộ Tài chính)

1. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

1.1. Căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật.

Việc chuyển đổi biểu cam kết được thực hiện trên cơ sở sau:

- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022;
- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28/12/2016 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2017;
- Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Bảng tương quan 2 chiều AHTN 2022 và AHTN 2017 đã được các nước ASEAN thống nhất;
- Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

1.2. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

Danh mục AHTN 2022 có tổng cộng 11.414 dòng hàng ở cấp độ 8 số (so với Danh mục AHTN 2017 là 10.813 dòng cấp độ 8 số). Như vậy, so với Danh mục AHTN 2017, ở cấp độ 8 số, Danh mục AHTN 2022 đã tăng lên 601 dòng hàng, giữ nguyên mô tả và mã số của 9.781 dòng, gộp 355 dòng; tách mã, chuyển mã và mở dòng với mô tả mới là 1.278 dòng. Theo đó, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt cũng thay đổi tương ứng về số dòng thuế và cam kết thuế quan (thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) do ảnh hưởng của việc tách gộp dòng thuế, chuyển mã và mở dòng thuế mới (trên cơ sở đảm bảo tuân thủ cam kết, không đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Hiệp định).

Để đảm bảo việc chuyển đổi không làm xói mòn cam kết của Hiệp định, Bộ Tài chính trình Chính phủ thống nhất áp dụng nguyên tắc như sau:

(i) Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2017: Áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017 để đảm bảo sự ổn định, không tạo ra biến động về thuế suất.

(ii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau: Áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017.

(iii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau:

+ Tiến hành tách dòng (thêm mã 10 số trên cơ sở mã 8 số của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam) để vừa tuân thủ cam kết và không đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam;

+ Trường hợp các dòng gộp có cam kết thuế ban đầu khác nhau nhưng thuế suất đã đồng nhất do về cuối lộ trình cắt giảm thuế (thuế suất về 0%): áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của dòng thuế ưu đãi nhất.

+ Trường hợp không thể tách được do không khả thi về mặt kỹ thuật/phân loại thì nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất.

2. Kết quả chuyển đổi cam kết thuế xuất khẩu theo AHTN 2022 trong CPTPP đối với các dòng gộp khác cam kết

- Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi áp dụng đối với 564 dòng thuế ở cấp độ 8 số. Biểu thuế xuất khẩu không có các dòng gộp khác cam kết, nên giữ nguyên các cam kết như tại Hiệp định.

3. Kết quả chuyển đổi cam kết thuế nhập khẩu theo AHTN 2022 trong CPTPP đối với các dòng gộp khác cam kết

Trong CPTPP, có 10.871 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên dòng thuế ở cấp độ 8 số; 333 dòng thuế được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau và 210 dòng thuế là gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau.

Sau khi chuyển đổi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt gồm 11.526 dòng thuế, trong đó có 11.321 dòng thuế ở cấp độ 8 số và 205 dòng thuế được chi tiết theo cấp độ 10 số được tách ra từ 94 dòng thuế ở cấp độ 8 số, cụ thể như sau:

Chương 2

1. Mã hàng 0207.60.10, 0207.60.20, 0207.60.30 và 0207.60.40 theo AHTN 2022: Mỗi mã hàng tương quan 1-1 với một phần của mã hàng 0207.60.00 theo AHTN 2017 (là thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà lôi). Đồng nghĩa với không ảnh hưởng cam kết thuế trong các FTA, riêng CPTPP tách thành 02 mã hàng 10 số theo AHTN 2017, gồm: 0207.60.00.10 (chưa chặt mảnh) và 0207.60.00.90 (loại khác).

Mã hàng 0207.60.10 theo AHTN 2022 là thịt sau giết mổ, chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh, của gà lôi.

Mã hàng 0207.60.20 theo AHTN 2022 là thịt sau giết mổ, chưa chặt mảnh, đông lạnh, của gà lôi.

- Tương quan với một phần của mã 0207.60.00.10 theo AHTN 2017 trong CPTPP

- Phương án xử lý: CPTPP lấy theo cam kết của mã 0207.60.00.10 theo AHTN 2017.

Mã hàng 0207.60.40 theo AHTN 2022 là thịt đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh, của gà lôi.

Mã hàng 0207.60.30 theo AHTN 2022 là thịt đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, tươi hoặc ướp lạnh, của gà lôi.

- Tương quan với một phần của mã 0207.60.00.90 theo AHTN 2017 trong CPTPP.

- Phương án xử lý: CPTPP lấy theo cam kết của mã 0207.60.00.90 theo AHTN 2017.

Chương 4

1. Mã hàng 0402.10.41 theo AHTN 2022 là sữa và kem, đã cô đặc, dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác, có hàm lượng chất béo không quá 1,5% tính theo trọng lượng, chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác, đóng gói với trọng lượng tịnh từ 20 kg trở lên.

Mã hàng 0402.10.42 theo AHTN 2022 là sữa và kem, đã cô đặc, dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác, có hàm lượng chất béo không quá 1,5% tính theo trọng lượng, chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác, đóng gói với trọng lượng tịnh từ 2 kg trở xuống.

Mã hàng 0402.10.49 theo AHTN 2022 là sữa và kem, đã cô đặc, dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác, có hàm lượng chất béo không quá 1,5% tính theo trọng lượng, chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 2 kg nhưng không quá 20 kg.

03 mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017. Riêng trong CPTPP, mỗi mã hàng này được tách thành 02 mã 10 số theo AHTN 2017, tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã về 0% vào cuối lộ trình cam kết.

- Phương án xử lý: Gộp dòng và lấy thuế suất 0% đối với mã 0402.10.49 theo AHTN 2022 trong CPTPP.

Chương 12

1. Mã hàng 1211.20.10 (AHTN2022) có mô tả là Rễ cây nhân sâm loại tươi hoặc khô và mã hàng 1211.20.90 (AHTN2022) có mô tả là rễ cây nhân sâm loại khác

- Hai mã này được tách từ mã 1211.20.00 có mô tả là Rễ cây nhân sâm. Tại CPTPP mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

1211.20.00 - Rễ cây nhân sâm

1211.20.00.10 - - Dạng tươi hoặc khô

1211.20.00.90 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/ Loại khác
- Theo đó, mã hàng 1211.20.10 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.10 và mã hàng 1211.20.90 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.90

- Phương án xử lý: lấy tương quan tương ứng với dòng 10 số.

2. Các mã AHTN2022 gồm mã 1211.90.17 có mô tả là Loại khác, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột, mã 1211.90.18 có mô tả là Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột

- Hai mã này được tách từ mã 1211.90.16 có mô tả là Rễ cây nhân sâm. Tại CPTPP mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

1211.90.16 - - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.16.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.16.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

- Theo đó, mã hàng 1211.90.17 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.10 và mã hàng 1211.90.18 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.90

- Phương án xử lý: lấy tương quan tương ứng với dòng 10 số.

3. Mã 1211.90.97 (AHTN2022): Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm)

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.97 - - - Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm):

1211.90.97.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.97.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/Loại khác

Các mã 10 số này đều có sự chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP.

Chương 15

1. Mã 1504.30.00 (AHTN 2022) có mô tả là Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ động vật có vú ở biển

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1504.30.00 - Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ động vật có vú ở biển

1504.30.00.10 - - Các phần phân đoạn thể rắn (3,8%)

1504.30.00.90 - - Loại khác (0%).

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP

2. Mã 1508.90.00 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (thuộc nhóm 15.08: Dầu lạc và các phần phân đoạn của dầu lạc, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học)

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1508.90.00 - Loại khác

1508.90.00.10 - - Các phần phân đoạn của dầu lạc chưa tinh chế

1508.90.00.90 - - Loại khác

Các dòng hàng này đều có sự chênh lệch thuế suất tại hai mã 10 số.

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP

3. Mã 1517.90.67 (AHTN 2022) có mô tả là Hỗn hợp hoặc chế phẩm ở dạng lỏng khác của chất béo hay dầu thực vật hoặc của các phần phân đoạn của chúng có thành phần chủ yếu là dầu đậu nành hoặc dầu dừa

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1517.90.67 - - - Thành phần chủ yếu là dầu đậu nành hoặc dầu dừa

1517.90.67.10 - - - - Thành phần chủ yếu là dầu đậu nành (16,3%)

1517.90.67.90 - - - - Loại khác (11,2%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP

Chương 16

1. Mã 1601.00.10 (AHTN 2022) có mô tả là Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó)

- Được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1601.00.10: - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần Mã 2106.90.99: loại khác

- FTA bị ảnh hưởng, hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: CPTPP (Mã 1601.00.10 là 11%, Mã 2106.90.99 là 0%)

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số

1601.00.10 - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ và loại khác

1601.00.10.10 - - Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế

phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó (tương quan với mã 1601.00.10)

1601.00.10.90 - - Loại khác (tương quan với mã 2106.90.99)

2. Mã 1601.00.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó)

- Được gộp từ 2 là 1601.00.90 có mô tả loại khác (thuộc nhóm 16.01 Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó); một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- FTA bị ảnh hưởng, hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: CPTPP (Mã 1601.00.90 là 11%, Mã 2106.90.99 là 0%)

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số

1601.00.90 - Loại khác

1601.00.90.10 - - Không làm từ côn trùng (tương quan với mã 1601.00.90)

1601.00.90.90 - - Loại khác (tương quan với mã 2106.90.99)

3. Mã 1602.10.10 (AHTN 2022) có mô tả Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ: (thuộc nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác.)

- Được gộp từ 2 mã là 1602.10.10 có mô tả là Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ (thuộc nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác.) và một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- FTA bị ảnh hưởng, hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: CPTPP (Mã 1602.10.10 là 17%, Mã 2106.90.99 là 0%),

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số

1602.10.10 - - Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ:

1602.10.10.10 - - - Không chứa côn trùng (tương quan với mã 1602.10.10)

1602.10.10.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 2106.90.99)

4. Mã 1602.10.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (thuộc - Chế phẩm đồng nhất, nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác.)

- Được gộp từ 2 Mã AHTN 2017 là Mã 1602.10.90 có mô tả là Loại khác (thuộc - Chế phẩm đồng nhất, nhóm 16.02 Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết

mỏ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác.) và một phần mã 2106.90.99 có mô tả là loại khác

- FTA bị ảnh hưởng, hiện trạng cam kết năm 2022 theo AHTN 2017: CPTPP (Mã 1602.10.90 là 17%, Mã 2106.90.99 là 0%)

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số

1602.10.90 - - Loại khác:

1602.10.90.10 - - - Không làm từ côn trùng (tương quan với mã 1602.10.90)

1602.10.90.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 2106.90.99)

5. Mã 1603.00.10 (AHTN 2022) có mô tả là Từ thịt (Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác.)

- Tương quan với mã 1603.00.00: Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành hai mã 10 số là:

1603.00.00 Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác.

1603.00.00.10 - Từ thịt gà (16,3%)

1603.00.00.90 - Loại khác (15%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tương ứng tại CPTPP

6. Mã 1603.00.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác.)

- Tương quan với mã 1603.00.00: Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác.

- Tương quan với mã 1603.00.00: Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác.

- Tại CPTPP, mã hàng này chỉ tương quan với 1 dòng 10 số là 1603.00.00.90 là sản phẩm chiết xuất và nước ép không phải từ thịt gà.

- Phương án xử lý: Lấy tương quan với mã 1603.00.00.90 tại CPTPP, các FTA khác tương quan với toàn 1603.00.00

Chương 18

1. Mã 1806.31.00 (AHTN 2022) có mô tả Có nhân

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số hiện đều có thuế suất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tách dòng trong CPTPP

Chương 22

1. Mã 2207.20.19 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có chênh lệch thuế suất là 5,8% và 23,3%

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP

Chương 24

Theo danh mục AHTN 2022, Chương 24 về các mặt hàng “Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến” được bổ sung thêm các sản phẩm thuộc nhóm 24.04 là “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người” trên cơ sở sự phát triển của ngành hàng thuốc lá phi truyền thống như thuốc lá điện tử dạng gel, thuốc lá sử dụng nguyên liệu thay thế nicotin.

Nhóm hàng này được hình thành trên cơ sở các sản phẩm là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), các chất khác của sản của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 3824.99.99) và hỗn hợp khác của hóa chất với thực phẩm để chế biến thực phẩm (mã số 2106.90.99).

Về cam kết, hiện nay các mã 2106.90.99 và 3824.99.99 là những dòng hàng có thuế suất cam kết là 0% trong khi thuế suất các mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24 hầu hết có mức thuế suất cam kết cao, lộ trình cắt giảm dài (lên đến 16 năm) hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan.

Trường hợp thực hiện theo cam kết tại FTA, các mặt hàng thuốc lá nhóm 2404 hầu hết sẽ duy trì mức thuế suất thấp tương quan với nhóm 2106.90.99 và 3824.99.99.

Về quan điểm phân loại trước đây của Việt Nam đối với những mặt hàng này sẽ được phân loại ở Chương 24 thay vì hóa chất có thuế suất thấp thuộc mã 2106.90.99 và 3824.99.99. Về việc này, Bộ Tài chính (TCHQ) cũng đã có thông báo số 7143/TB-TCHQ ngày 06/11/2020 về phân loại các mặt hàng này.

Do đây là mặt hàng nhạy cảm, do đó, Bộ Tài chính đề xuất xem xét áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tương tự các mặt hàng thuốc lá

thuộc Chương 24 (cụ thể, đối với những mã hàng thuộc nhóm 2404 hiện tương quan với các sản phẩm thuốc lá (2/10 mã hàng) thực hiện theo cam kết, các mã hàng còn lại (8/10 mã hàng) thực hiện tương quan với mã 2403.99.90 (Sản phẩm thuốc lá loại khác).

Theo cơ chế của Hiệp định CPTPP, các nước sẽ thông báo kết quả chuyển đổi trong khuôn khổ Ủy ban thực thi. Theo đó, việc ban hành Nghị định trong giai đoạn này có thể áp dụng phương án như trên đối với nhóm 2404, tuy nhiên có thể có rủi ro phía các nước yêu cầu tham vấn và đề nghị Việt Nam thực hiện nguyên tắc không xói mòn cam kết tại Hiệp định. Trường hợp có ý kiến của các nước thành viên khi rà soát kết quả chuyển đổi của Việt Nam, giải trình sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo vệ quan điểm thống nhất của Việt Nam đối với phân loại mặt hàng này cũng như dựa trên tính pháp lý của bảng tương quan (chỉ mang tính chất tham khảo trong chuyển đổi cam kết thuế). Tuy nhiên, trường hợp các nước thành viên CPTPP và Ủy ban thực thi có kết luận về sự phù hợp trong chuyển đổi cam kết thuế của Việt Nam trong CPTPP như thế nào thì Việt Nam sẽ cần nghiêm túc thực hiện. Tuy nhiên, trường hợp các nước thành viên CPTPP và Ủy ban thực thi có kết luận về sự phù hợp trong chuyển đổi cam kết thuế của Việt Nam trong CPTPP như thế nào thì Việt Nam sẽ cần nghiêm túc thực hiện.

Hiện nay, không có thống kê cụ thể đối với mặt hàng thuốc lá thuộc nhóm 2404, tuy nhiên, các nước CPTPP là các đối tác nhập khẩu lớn đối với mặt hàng thuộc nhóm 2106.90.99 và 3824.99.99 (tổng kim ngạch hơn 68 triệu USD). Do đó, chưa có khả năng để đánh giá việc các nước thành viên sẽ có ý kiến tham gia với nội dung này.

Chương 27

1. Mã 2710.20.00 (AHTN 2022) có mô tả Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải:

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có chênh lệch thuế suất là 20% và 7%

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP

Chương 34

1. Mã hàng 3402.31.90 theo AHTN 2022 là các axit alkylbenzen sulphonic cấu trúc thẳng và muối của chúng loại khác, trừ alkylbenzen đã sulphat hóa, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ.

Mã hàng 3402.39.90 theo AHTN 2022 là loại khác, ngoài các axit alkylbenzen sulphonic cấu trúc thẳng và muối của chúng, trừ cồn béo đã sulphat hóa, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ.

Mỗi mã hàng 3402.31.90 và 3402.39.90 theo AHTN 2022 tương quan với một phần của mã 3402.11.90 theo AHTN 2017 với phạm vi mặt hàng không thay đổi. CPTPP tách thành 02 mã hàng 10 số theo AHTN 2017, tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã về 0% vào cuối lộ trình cam kết.

- Phương án xử lý: Gộp dòng và lấy thuế suất 0% đối với mã 3402.31.90 và 3402.39.90 theo AHTN 2022 trong CPTPP.

2. Mã hàng 3402.41.00 theo AHTN 2022 là các chất hữu cơ hoạt động bề mặt khác, ngoài các chất hữu cơ hoạt động bề mặt anion, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ, dạng cation.

Tương quan với mã 3402.12.00 theo AHTN 2017 với phạm vi mặt hàng không thay đổi. CPTPP tách thành 02 mã hàng 10 số theo AHTN 2017, tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã về 0% vào cuối lộ trình cam kết.

- Phương án xử lý: Gộp dòng và lấy thuế suất 0% đối với mã 3402.12.00 theo AHTN 2022 trong CPTPP.

Chương 39

1. Mã 3923.50.00 (AHTN 2022) có mô tả là Nút, nắp, mũ van và các nút đậy khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 dòng 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất mặt hàng tại FTA này là 0%.

2. Mã 3926.30.00 (AHTN 2022) có mô tả là Phụ kiện lắp vào đồ nội thất, trên thân xe (coachwork) hoặc các loại tương tự

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 dòng 10 số và chênh thuế suất theo CPTPP (7,5%-0%)

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP

Chương 40

1. Mã hàng 4011.70.00 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe và máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 dòng 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất mặt hàng tại FTA này là 0%.

2. Mã hàng 4011.80.11 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng, xe cút kít hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 dòng 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất mặt hàng tại FTA này là 0%.

3. Mã hàng 4011.80.19 (AHTN 2022) có mô tả Loại dùng cho xe và máy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành các dòng 10 số tại CPTPP tuy nhiên có thuế suất đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP

4. Mã hàng 4011.90.10 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe thuộc Chương 87

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 các dòng 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất mặt hàng tại FTA này là 0%.

5. Mã hàng 4012.19.49 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Được tách từ một phần mã 4012.19.40 có mô tả là Loại dùng cho các xe thuộc Chương 87.

- Tại CPTPP mã hàng này được tách thành 2 dòng 10 số hiện duy trì chênh lệch thuế suất.

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP, cụ thể như sau:

4012.19.49 - - - - Loại khác:

4012.19.49.10 - - - - Loại dùng cho xe mô tô hoặc xe đạp (Tương quan với mã 4012.19.40.10)

4012.19.49.90 - - - - - Loại khác (Tương quan với mã 4012.19.40.90)

Chương 48

1. Mã hàng 4805.91.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.
- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

2. Mã hàng 4811.10.20 (AHTN 2022) có mô tả là Ổ dạng cuộn có chiều rộng không quá 15cm hoặc ở dạng tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông) không có chiều nào trên 36 cm ở dạng không gấp

Mã hàng 4811.10.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.
- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

Chương 70

1. Mã hàng 7020.00.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.
- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

Chương 72

1. Mã hàng 7210.70.12, 7210.70.13 (AHTN 2022) có mô tả là Thuộc mặt hàng có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng và chiều dày không quá 1,5 mm, lần lượt có mô tả phân loại là 7210.70.12 (được sơn sau khi phủ kẽm), 7210.70.13 (được sơn sau khi phủ bằng hợp kim nhôm-kẽm)

- Hai mã này được tách từ mã 7210.70.11 có mô tả là Được sơn.
- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 7210.70.11.10 có mô tả Loại dùng để sản xuất các bộ phận cho sản phẩm thuộc nhóm 8415, 8418 và 8450 (thuế suất 2,7%) và 7210.70.11.90 có mô tả là Loại khác (thuế suất 0%)
- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP. Cụ thể:
 - - - - Loại dùng để sản xuất các bộ phận cho sản phẩm thuộc nhóm 8415, 8418 và 8450 (Tương quan với 7210.70.11.10)
 - - - - Loại khác (Tương quan với 7210.70.11.90)

2. Mã hàng 7210.70.19 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Được gộp từ 2 mã là 7210.70.11 có mô tả là Được sơn và mã 7210.70.19 có mô tả là Loại khác.

- Tại CPTPP, cả 2 mã hàng hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 7210.70.1x.10 có mô tả Loại dùng để sản xuất các bộ phận cho sản phẩm thuộc nhóm 8415, 8418 và 8450 (thuế suất 2,7%) và 7210.70.1x.90 có mô tả là Loại khác (thuế suất 0%)

- Phương án xử lý: Tách dòng tương ứng tại CPTPP.

7210.70.19 - - - Loại khác:

7210.70.19.10 - - - - Loại dùng để sản xuất các bộ phận cho sản phẩm thuộc nhóm 8415, 8418 và 8450 (Tương quan với mã 7210.70.1x.10)

7210.70.19.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 7210.70.1x.90)

3. Mã hàng 7210.70.21, 7210.70.91 (AHTN 2022) Điều thuộc nhóm 7210.70, lần lượt có mô tả phân loại là 7210.70.21 (Loại khác, có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng, được sơn) và 7210.70.91 (Loại khác, được sơn).

- Hai mã này được tách từ mã 7210.70.91 có mô tả là Được sơn.

- Mã hàng hàng được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

4. Mã hàng 7210.70.29 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, không được sơn, không bao gồm mã 7210.70.21

Mã hàng 7210.70.91 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác không được sơn, không bao gồm mã 7210.70.99).

- Hai mã này được tách từ mã 7210.70.99 có mô tả là Loại khác.

- Mã hàng hàng được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

Chương 73

1. Mã hàng 7326.20.70 (AHTN 2022) có mô tả là Rèm và Rèm lưới thép.

Mã hàng 7326.20.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác, sản phẩm bằng dây sắt hoặc thép.

- Hai mã này được tách từ mã 7326.20.90 có mô tả là Loại khác, sản

phẩm bằng dây sắt hoặc thép

- Mã hàng hàng được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

Chương 83

1. Mã hàng 8311.90.00 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng hàng được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

Chương 84

1. Mã hàng 8407.34.71 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác, đã lắp ráp hoàn chỉnh, không bao gồm các nhóm 8407.34.40, 8407.34.50 và 8407.34.60, Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc.

Mã hàng 8407.34.72 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, đã lắp ráp hoàn chỉnh, không bao gồm các nhóm 8407.34.40, 8407.34.50 và 8407.34.60, Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc.

Mã hàng 8407.34.73 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, đã lắp ráp hoàn chỉnh, không bao gồm các nhóm 8407.34.40, 8407.34.50 và 8407.34.60, Dung tích xi lanh trên 3.000 cc.

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP là 8407.34.7x.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn (thuế suất 0%) và 8407.34.7x.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 5,6%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

2. Mã hàng 8407.34.94 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, chưa lắp ráp hoàn chỉnh, không bao gồm các nhóm 8407.34.91, 8407.34.92 và 8407.34.93, Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc.

Mã hàng 8407.34.95 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, chưa lắp ráp hoàn chỉnh, không bao gồm các nhóm 8407.34.91, 8407.34.92 và 8407.34.93, Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc

Mã hàng 8407.34.99 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, chưa lắp ráp hoàn chỉnh, không bao gồm các nhóm 8407.34.91, 8407.34.92 và 8407.34.93, Dung tích xi lanh trên 3.000 cc

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP là 8407.34.9x.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng

có tải trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn (thuế suất 1,6%) và 8407.34.9x.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 5,6%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

3. Mã hàng 8408.20.21 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, không dùng cho xe thuộc phân nhóm 8701.10, Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc.

Mã hàng 8408.20.22 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, không dùng cho xe thuộc phân nhóm 8701.10, Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.500 cc.

Mã hàng 8408.20.23 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, không dùng cho xe thuộc phân nhóm 8701.10, Dung tích xi lanh trên 3.500 cc

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Các mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số tại CPTPP là 8408.20.2x.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn (thuế suất 0%), 8408.20.2x.20 có mô tả Loại dùng cho xe thuộc nhóm 87.01 (thuế suất 0%) và 8408.20.2x.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 5,6%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

4. Mã hàng 8408.20.93 (AHTN 2022) có mô tả Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8701.10 (thuộc loại khác, động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87).

Mã hàng 8408.20.94 (AHTN 2022) có mô tả Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc.

Mã hàng 8408.20.95 (AHTN 2022) có mô tả Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.500 cc.

Mã hàng 8408.20.96 (AHTN 2022) có mô tả Dung tích xi lanh trên 3.500 cc.

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Các mã hàng được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP là 8408.20.9x.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn (thuế suất 0%) và 8408.20.9x.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 3,7%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

5. Mã hàng 8409.99.22 (AHTN 2022) có mô tả Thân động cơ (cylinder block); hộp trục khuỷu

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP là 8409.99.22.10 có mô tả Thân động cơ (thuế suất 0%) và 8409.99.22.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 5,6%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

6. Mã hàng 8409.99.29 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Gộp từ 2 mã là 8409.99.28 có mô tả Bạc piston và chốt piston và 8409.99.29 có mô tả Loại khác

- Có sự chênh lệch thuế suất 2 mã này tại CPTPP là 0% và 5,6%.

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số tại CPTPP, cụ thể như sau:

8409.99.29 - - - - Loại khác:

8409.99.29.10 - - - - Bạc piston và chốt piston (Tương quan với mã 8409.99.28)

8409.99.29.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 8409.99.29)

7. Mã hàng 8413.81.13 (AHTN 2022) có mô tả Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h, hoạt động bằng điện

Mã hàng 8413.81.14 (AHTN 2022) có mô tả Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h, không hoạt động bằng điện

Mã hàng 8414.59.50 (AHTN 2022) có mô tả Máy thổi khí

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng, lấy thuế suất 0% tại CPTPP.

8. Mã hàng 8483.10.25 (AHTN 2022) có mô tả Cho xe có dung tích xi lanh không quá 2.000 cc

Mã hàng 8483.10.26 (AHTN 2022) có mô tả Cho xe có dung tích xi lanh trên 2.000 cc đến 3.000 cc

Mã hàng 8483.10.27 (AHTN 2022) có mô tả Cho xe có dung tích xi lanh trên 3.000 cc

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Các mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số tại CPTPP là 8483.10.2x.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn (thuế suất 1,8%), 8483.10.2x.20 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn (thuế suất 0%) và 8483.10.2x.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 5,6%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

9. Mã hàng 8483.30.30 (AHTN 2022) có mô tả Dùng cho động cơ xe của Chương 87

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP là 8483.30.30.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn (thuế suất 0%), 8483.30.30.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 1,8%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

10. Mã hàng 8483.40.40 (AHTN 2022) có mô tả Dừng cho động cơ của xe của Chương 87

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại CPTPP là 8483.40.40.10 có mô tả Loại dừng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải trên 5 tấn (thuế suất 0%), 8483.40.40.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 2,5%).

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

Chương 85

1. Mã hàng 8504.31.93 theo AHTN 2022 có mô tả là Máy biến áp tăng/giảm từng nấc (Step up/down transformers)

Mã hàng 8504.31.99 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8504.32.11 theo AHTN 2022 là có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.32.19 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8504.32.41 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.32.51 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.32.59 theo AHTN 2022 có mô tả là là Loại khác

Mã hàng 8504.33.11 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.33.19 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8504.33.91 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.33.99 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8504.34.11 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.34.12 theo AHTN 2022 có mô tả là Máy biến áp loại khô phòng nổ

Mã hàng 8504.34.13 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8504.34.14 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.34.15 theo AHTN 2022 có mô tả là Máy biến áp loại khô phòng nổ

Mã hàng 8504.34.22 theo AHTN 2022 có mô tả là Biến áp thích ứng

Mã hàng 8504.34.23 theo AHTN 2022 có mô tả là Máy biến áp loại khô phòng nổ

Mã hàng 8504.34.24 theo AHTN 2022 là có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8507.30.90 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

- Các mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017.

- Riêng trong CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã đồng nhất thuế suất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

2. Mã hàng 8504.34.19 theo AHTN 2022 có mô tả là Loại khác

- Mã hàng 8504.34.19 (AHTN 2022) thay đổi về mã hàng là 8504.34.16 (AHTN 2017) nhưng giữ nguyên mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017. Riêng trong CPTPP, mã hàng này được tách thành 02 mã 10 số 8504.34.16.10 và 8504.34.16.90 theo AHTN 2017, tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

3. Mã hàng 8523.59.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8523.80.99 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Các mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017.

- Riêng trong CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã đồng nhất thuế suất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

4. Mã hàng 8536.20.12 (AHTN 2022) có mô tả Loại hộp đúc, dòng điện từ 16 A trở lên nhưng không quá 32 A

Mã hàng 8536.20.13 (AHTN 2022) có mô tả Loại hộp đúc, dòng điện trên 32 A nhưng không quá 1.000 A

Mã hàng 8536.20.99 (AHTN 2022) có mô tả Bộ ngắt mạch tự động, loại khác

Mã hàng 8536.30.90 (AHTN 2022) có mô tả Thiết bị bảo vệ mạch điện khác, loại khác

- Các mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017.

- Riêng trong CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã đồng nhất thuế suất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

5. Mã hàng 8536.50.96 (AHTN 2022) có mô tả Thiết bị đóng ngắt mạch khác, loại khác, dòng điện dưới 16 A

Mã hàng 8536.50.99 (AHTN 2022) có mô tả Thiết bị đóng ngắt mạch khác, loại khác

- Các mã này được tách từ 1 phần của mã 8536.50.99 có mô tả Thiết bị đóng ngắt mạch khác, loại khác

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã đồng nhất thuế suất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

6. Mã hàng 8536.70.90 (AHTN 2022) có mô tả Đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang, loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017.

- Riêng trong CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã đồng nhất thuế suất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

7. Mã hàng 8536.90.99 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác của Dòng điện dưới 16 A, Kẹp pin dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.11

Mã hàng 8539.29.60 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác, có công suất không quá 200W và điện áp không quá 100V

- Các mã hàng này giữ nguyên mã, mô tả (đồng nghĩa với phạm vi mặt hàng không thay đổi) so với AHTN 2017.

- Riêng trong CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên, cả 2 mã 10 số đều đã đồng nhất thuế suất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất đồng nhất là 0%.

8. Mã hàng 8539.39.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác của Bóng đèn phóng trừ đèn tia cực tím

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành mã 10 số là 8539.39.90.10 có mô tả Đèn ống phóng điện để trang trí hoặc dùng cho mục đích công cộng, 8539.39.90.20 có mô tả Đèn dùng cho xe có động cơ hoặc xe đạp và 8539.39.90.90 có mô tả Loại khác.

- Các mặt hàng này chênh lệch thuế suất theo CPTPP là 4,5% - 4,1% - 0%.

- Phương án xử lý: Đồng nhất cách tách dòng 10 số trong CPTPP, cụ thể như sau:

8539.39.90 - - - Loại khác:

8539.39.90.10 - - - Đèn ống phóng điện để trang trí hoặc dùng cho

mục đích công cộng (Tương quan với mã 8539.39.90.10)

8539.39.90.20 - - - - Đền dùng cho xe có động cơ hoặc xe đạp (Tương quan với mã 8539.39.90.20 theo CPTPP và mã 8539.39.90.90 theo ACFTA)

8539.39.90.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 8539.39.90.90)

Chương 87

1. Mã hàng 8701.21.10 (AHTN 2022) có mô tả Dạng CKD

Mã hàng 8701.22.10 (AHTN 2022) có mô tả Dạng CKD

Mã hàng 8701.23.10 (AHTN 2022) có mô tả Dạng CKD

Mã hàng 8701.24.10 (AHTN 2022) có mô tả Dạng CKD

Mã hàng 8701.29.10 (AHTN 2022) có mô tả Dạng CKD

- Các mã hàng này Được tách từ một phân mã 8701.20.10 có mô tả Dạng CKD.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

2. Mã hàng 8701.21.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8701.22.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8701.23.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8701.24.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã hàng 8701.29.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Được gộp từ 2 mã là 8701.20.91 có mô tả Mới và mã 8701.20.99 có mô tả Loại khác.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

3. Mã hàng 8701.91.10 (AHTN 2022) có mô tả Máy kéo nông nghiệp

Mã hàng 8701.91.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 8701.92.10 (AHTN 2022) có mô tả Máy kéo nông nghiệp

Mã hàng 8701.92.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 8701.93.10 (AHTN 2022) có mô tả Máy kéo nông nghiệp

Mã hàng 8701.93.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 8701.94.10 (AHTN 2022) có mô tả Máy kéo nông nghiệp

Mã hàng 8701.94.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 8701.95.10 (AHTN 2022) có mô tả Máy kéo nông nghiệp

Mã hàng 8701.95.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.
- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP, lấy thuế suất 0%.

4. Mã hàng 8703.31.44 (AHTN 2022) có mô tả Ô tô tang lễ

Mã hàng 8703.31.45 có mô tả Ô tô chở phạm nhân

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số là 8703.31.4x.10 có mô tả Loại bốn bánh chủ động và mã 8703.31.41.90 có mô tả là Loại khác.
- Chênh lệch thuế suất 2 mã này tại CPTPP là 3,7% - 56%.
- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại CPTPP.

5. Mã hàng 8703.40.58 (AHTN 2022) có mô tả Dung tích xi lanh trên 2.000 cc

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Tại CPTPP, mã hàng này tách thành 3 mã là 8703.40.58.10 có mô tả Dung tích xi lanh dưới 2.500 cc (thuế suất 50,9%), 8703.40.58.20 có mô tả Dung tích xi lanh từ 2.500 cc trở lên nhưng không quá 3.000 cc (thuế suất 50,9%), 8703.40.58.90 có mô tả Dung tích xi lanh trên 3.000 cc (thuế suất 47%)
- Phương án xử lý: Thống nhất phương án tách dòng tại CPTPP thành 2 mã 10 số như sau:

- 8703.40.58 - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc:
- 8703.40.58.10 - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc (Tương quan với mã 8703.40.58.10/8703.40.58.20 theo CPTPP)
- 8703.40.58.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 8703.40.58.90)

6. Mã hàng 8703.60.58 (AHTN 2022) có mô tả Dung tích xi lanh trên 2.000 cc

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.
- Tại CPTPP, mã hàng này tách thành 3 mã là 8703.60.58.10 có mô tả Dung tích xi lanh dưới 2.500 cc (thuế suất 50,9%), 8703.60.58.20 có mô tả Dung tích xi lanh từ 2.500 cc trở lên nhưng không quá 3.000 cc (thuế suất 50,9%), 8703.60.58.90 có mô tả Dung tích xi lanh trên 3.000 cc (thuế suất 47%)
- Phương án xử lý: Thống nhất phương án tách dòng tại CPTPP thành 2 mã 10 số như sau:

- 8703.60.58 - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc:

8703.60.58.10 - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc (Tương quan với mã 8703.40.58.10/8703.40.58.20 theo CPTPP)

8703.60.58.90 - - - - Loại khác (Tương quan với mã 8703.40.58.90)

7. Mã hàng 8708.10.90 (AHTN 2022) có mô tả là Thanh chắn chống va đập (ba đờ xóc) và bộ phận của nó dùng cho các loại xe thuộc nhóm 87.02 đến 87.05

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 2 dòng là 8708.10.90.10 có mô tả Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (thuế suất 0,5%) và 8708.10.90.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 10,9%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số. Đối với các FTA/PTA khác thực hiện theo thuế suất đã cam kết với mã 8708.10.90

8. Mã hàng 8708.22.30 (AHTN 2022) có mô tả là Kính chắn gió phía trước (kính chắn gió), kính phía sau và kính cửa khác được mô tả tại Chú giải Phân nhóm 1 của chương 87 dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng 8708.29.98 có mô tả Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ các sản phẩm đã được liệt kê tại phân nhóm) và 8708.29.99 có mô tả Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe dùng cho xe loại khác (được hiểu là nhóm 87.05, (trừ các sản phẩm đã được liệt kê tại phân nhóm).

Ngoài ra, tại CPTPP, cả 2 mặt hàng này đều được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

- - - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - - Loại khác (thuế suất 5,4%)

- Phương án xử lý:

Đối với CPTPP, tách thành 4 dòng tương ứng như sau:

8708.22.30 - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04

8708.22.30.11 - - - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (Tương quan với 8708.29.98.10)

8708.22.30.19 - - - - - Loại khác (Tương quan với 8708.29.98.90)

- - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.05

8708.22.30.21 - - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (Tương quan với 8708.29.99.10)

8708.22.30.29 - - - - Loại khác (Tương quan với 8708.29.99.90)

9. Mã hàng 8708.29.17 có mô tả là các bộ phận của cửa xe dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng này được tách thành 3 dòng là 8708.29.17.10 có mô tả Khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 10 tấn (thuế suất 10,9%), 8708.29.17.20 có mô tả Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn (thuế suất 10,9%) và 8708.29.17.90 có mô tả Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn (thuế suất 0,5%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 3 mã 10 số (đổi mô tả mã 8708.29.17.90 thành Loại khác).

10. Các mã hàng 8708.29.18, 8708.29.19 là các bộ phận của cửa xe dùng cho xe thuộc các nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05 (trừ phân nhóm 8704.10)

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 3 dòng:

- - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn (thuế suất 5,4%)

- - - - Loại khác (thuế suất 10,9%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 3 mã 10 số.

11. Các mã hàng 8708.29.96, 8708.29.97, 8708.29.98, 8708.29.99 là bộ phận và phụ kiện khác của thân xe dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

Các mã hàng 8708.30.30 và 8708.30.90 là phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và mô tả so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 dòng:

- - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - Loại khác (thuế suất 5,4%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

12. Các mã hàng 8708.40.13, 8708.40.19 là hộp số dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 dòng:

- - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 10 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - Loại khác (thuế suất 5,4%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

13. Các mã hàng 8708.40.27, 8708.40.29 là hộp số, đã lắp ráp hoàn chỉnh dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 3 dòng:

- - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - Dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn (thuế suất 5,4%)

- - - - Loại khác (thuế suất 10,9%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 3 mã 10 số.

14. Mã hàng 8708.40.91 có mô tả là bộ phận của hộp số dùng cho xe thuộc nhóm 87.01

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 dòng là 8708.40.91.10 có mô tả Loại dùng cho máy kéo nông nghiệp thuộc nhóm 87.01 (trừ phân nhóm 8701.20 và 8701.30) (thuế suất 13%) và 8708.40.91.90 có mô tả là Loại khác (thuế suất 0,5%).

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

15. Các mã hàng 8708.50.13, 8708.50.19 có là Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết truyền lực khác, và các cầu bị động, chưa lắp ráp hoàn chỉnh dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 dòng:

- - - - Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 5 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - Loại khác (thuế suất 5,4%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

16. Các mã hàng 8708.50.27, 8708.50.29 có là Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết truyền lực khác, và các cầu bị động, đã lắp ráp hoàn chỉnh dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.04 hoặc 87.05

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 dòng:

- - - - Loại dùng cho xe vận tải hàng hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 5 tấn (thuế suất 0,5%)

- - - - Loại khác (thuế suất 8,1%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

17. Mã hàng 8708.50.91, 8708.50.92 là Bộ phận của cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết truyền lực khác, và các cầu bị động dùng cho xe thuộc nhóm 87.01

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, các mã hàng này được tách thành 2 dòng:

- - - - - Loại dùng cho máy kéo nông nghiệp thuộc nhóm 87.01 (trừ phân nhóm 8701.20 và 8701.30) (thuế suất 14,7%)

- - - - Loại khác (thuế suất 0,5%)

- Phương án xử lý: Giữ nguyên phương án tách dòng tại CPTPP do chênh lệch thuế suất 2 mã 10 số.

18. Mã hàng 8708.70.17, 8708.70.18, 8708.70.19 theo AHTN 2022 lần lượt là ốp đầu trục bánh xe dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10, dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc các phân nhóm khác thuộc nhóm 87.04 (trừ 8704.10), và dùng cho xe thuộc nhóm 87.05.

Mã hàng 8708.70.23, 8708.70.29 theo AHTN 2022 lần lượt là bánh xe đã được lắp lốp dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ phân nhóm 8704.10), và dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10 và nhóm 87.05.

Mã hàng 8708.70.34, 8708.70.39 theo AHTN 2022 lần lượt là bánh xe chưa được lắp lốp dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 45 tấn), và dùng cho xe thuộc nhóm 87.05.

Mã hàng 8708.70.96, 8708.70.99 theo AHTN 2022 lần lượt là cụm bánh xe và các bộ phận, phụ kiện khác của chúng, ngoài ốp đầu trục bánh xe, bánh xe đã hoặc chưa được lắp lốp, dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04, và dùng cho xe thuộc nhóm 87.05.

Mã hàng 8708.80.17, 8708.80.19 theo AHTN 2022 lần lượt là hệ thống giảm chấn dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10 hoặc nhóm 87.05, và dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 và 87.04 (trừ 8704.10).

Mỗi mã hàng nêu trên trong CPTPP được tách thành 02 mã 10 số theo AHTN 2017, cụ thể:

8708.70.xx.10 có mô tả Loại dùng cho xe vận tải hàng hóa có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn (thuế suất 0,5%)

8708.70.xx.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 5,4% hoặc 10,9%).

- Phương án xử lý: đề xuất tách như AHTN 2017 để bảo toàn cam kết.

19. Mã hàng 8708.91.17, 8708.91.18, 8708.91.19 theo AHTN 2022 lần lượt là két nước làm mát của lò sưởi dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10, dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc các phân nhóm còn lại của 87.04, và dùng cho xe thuộc nhóm 87.05.

Mỗi mã hàng nêu trên trong CPTPP được tách thành 02 mã 10 số theo AHTN 2017, tuy nhiên, các dòng 10 số này đều đã về 0% vào cuối lộ trình cam kết.

- Phương án xử lý: đề xuất gộp dòng, lấy thuế suất 0%.

20. Mã hàng 8708.92.10, 8708.92.20 theo AHTN 2022 lần lượt là ống xả và bộ giảm thanh và bộ phận của chúng dùng cho các loại xe thuộc nhóm 87.01, 87.03. Mã hàng 8708.92.51, 8708.92.61 theo AHTN 2022 lần lượt là ống xả và bộ giảm thanh dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10, và dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ 8704.10).

Mỗi mã hàng nêu trên trong CPTPP được tách thành 02 hoặc 03 mã 10 số theo AHTN 2017 với mức chênh thuế suất lớn (lần lượt là 0,8-12-14,7%; 8,1-13,6%; 0,5-8,1%).

- Phương án xử lý: đề xuất tách như AHTN 2017 để bảo toàn cam kết.

21. Mã hàng 8708.92.90 theo AHTN 2022 là ống xả, bộ giảm thanh và bộ phận của chúng dùng cho các loại xe thuộc nhóm 87.05.

Mã hàng này trong CPTPP được tách thành các dòng 10 số như sau:

Mã hàng AHTN 2017	Mô tả hàng hóa	CPTPP
8708.92.90.10	- - - - Ống xả và bộ giảm thanh	
8708.92.90.10	- - - - - Loại dùng cho xe vận tải hàng	0,5%

(CPTPP)	hoá có tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn	(0%-2023)
8708.92.90.20 (CPTPP)	----- Loại khác	8,1% (0%-2028)
8708.92.90.90	---- Bộ phận	0,8% (0%-2023)

- Phương án xử lý: đề xuất tách thành 03 mã 10 số như AHTN 2017

22. Mã hàng 8708.93.70, 8708.93.90 theo AHTN 2022 lần lượt là bộ ly hợp và các bộ phận của nó dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05, và dùng cho xe thuộc nhóm 87.02.

Mã hàng 8708.94.11, 8708.94.19 theo AHTN 2022 lần lượt là vô lăng lắp với túi khí hoàn chỉnh dùng cho các loại xe thuộc nhóm 87.01, và dùng cho xe thuộc các nhóm khác, ngoài nhóm 87.01.

Mã hàng 8708.94.99 theo AHTN 2022 là vô lăng, trụ lái và cơ cấu lái và bộ phận của chúng, trừ vô lăng lắp với túi khí hoàn chỉnh, dùng cho xe thuộc các nhóm khác ngoài nhóm 87.01 và 87.03.

Mã hàng 8708.99.11, 8708.99.19 theo AHTN 2022 lần lượt là thùng nhiên liệu chưa lắp ráp, khung giá đỡ động cơ và các bộ phận, linh kiện khác dùng cho xe của nhóm 87.01.

Mã hàng 8708.99.21, 8708.99.24, 8708.99.25, 8708.99.30, 8708.99.40, 8708.99.50, 8708.99.70, 8708.99.80 theo AHTN 2022 lần lượt là thùng nhiên liệu; nửa dưới của thùng nhiên liệu, nắp đậy thùng nhiên liệu, ống dẫn của thùng nhiên liệu (filler pipes); ống dẫn hướng có đầu nối với bình nhiên liệu (filler hose); đai giữ bình nhiên liệu; các bộ phận khác của thùng nhiên liệu; chân ga, chân phanh hoặc chân côn; giá đỡ hoặc khay đỡ bình ắc quy và khung của nó; tấm hướng luồng khí tản nhiệt; khung giá đỡ động cơ; và các bộ phận, linh kiện loại khác, dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04.

Mỗi mã hàng nêu trên trong CPTPP được tách thành 02 mã 10 số với mức chênh thuế suất giữa 2 lộ trình 0%-2023 và 0%-2028.

- Phương án xử lý: đề xuất tách như AHTN 2017 để bảo toàn cam kết.

23. Mã 8716.40.00 (AHTN 2022) có mô tả Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc khác, ngoài loại nhà lưu động, dùng làm nhà ở hoặc cắm trại, loại tự bốc hoặc dỡ hàng dùng trong nông nghiệp và loại dùng để vận chuyển hàng hóa.

- Tại CPTPP, mã 8716.40.00 được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

Chương 90

1. Mã 9004.90.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không thay đổi phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

Chương 94

1. Mã hàng 9405.21.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 9405.29.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Được tách từ một phần mã 9405.20.90 có mô tả Loại khác

- Tại CPTPP, mã hàng được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

2. Mã hàng 9405.41.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 9405.42.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng 9405.49.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Được tách từ một phần mã 9405.40.99 có mô tả Loại khác

- Tại CPTPP, mã hàng được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.

Chương 96

1. Mã hàng 9608.30.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không thay đổi phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại CPTPP, mã hàng được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại CPTPP.